

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127 /TTr-UBND

Vạn Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê chuẩn dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh kính trình Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020 tại kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh khóa XI, cụ thể như sau:

1 Thu ngân sách Nhà nước năm 2020	
Tổng thu phát sinh NSNN trên địa bàn năm 2020	159.510 triệu đồng
2 Thu, chi ngân sách địa phương (huyện, xã) năm 2020	
2.1 Tổng thu ngân sách địa phương (huyện, xã) năm 2020	599.215 triệu đồng
Trong đó: Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	116.898 triệu đồng
2.2 Tổng chi ngân sách địa phương (huyện, xã) năm 2020	599.215 triệu đồng
Trong đó: - Chi ngân sách cấp huyện	483.291 triệu đồng
- Chi ngân sách cấp xã	115.924 triệu đồng

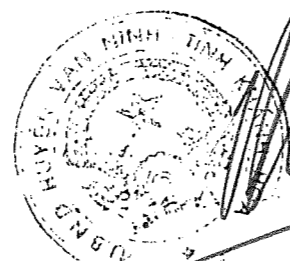
(Có phương án phân bổ chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh trình Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT. *KL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Lục Phẩm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : /NQ-HĐND

Vạn Ninh, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện
và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số /BKT-XH ngày /12/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020 do Ủy ban nhân dân huyện trình bày tại kỳ họp tại kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh khóa XI, cụ thể như sau:

1 Thu ngân sách Nhà nước năm 2020	
Tổng thu phát sinh NSNN trên địa bàn năm 2020	159.510 triệu đồng
2 Thu, chi ngân sách địa phương (huyện, xã) năm 2020	
2.1 Tổng thu ngân sách địa phương (huyện, xã) năm 2020	599.215 triệu đồng
Trong đó: Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	116.898 triệu đồng
2.2 Tổng chi ngân sách địa phương (huyện, xã) năm 2020	599.215 triệu đồng
Trong đó: - Chi ngân sách cấp huyện	483.291 triệu đồng
- Chi ngân sách cấp xã	115.924 triệu đồng

(Có phương án phân bổ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao nhiệm vụ thu – chi và phân bổ ngân sách huyện năm 2020 cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện và các xã, thị trấn.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Trung tâm công báo KH;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Các vị ĐB HĐND huyện;
- TT HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Thoại

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của HĐND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019			Dự toán năm 2020
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	178.260	178.260	197.984	159.510
1	Thu nội địa	178.260	178.260	197.984	159.510
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	569.481	569.481	813.005	599.215
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	127.150	127.150	156.168	116.898
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	85.980	85.980	123.924	80.610
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	41.170	41.170	32.244	36.288
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	431.844	431.844	532.096	456.332
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	426.844	426.844	380.096	451.332
2	Thu bổ sung có mục tiêu	5.000	5.000	152.000	5.000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư			45.108	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			69.146	
VI	Thu cải cách tiền lương	10.487	10.487	10.487	25.985
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	569.481	569.481	624.342	599.215
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	569.481	569.481	624.342	599.215
1	Chi đầu tư phát triển (1)	86.000	86.000	123.322	102.400
2	Chi thường xuyên	456.369	456.369	501.020	477.829
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
4	Dự phòng ngân sách	12.952	12.952		12.952
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	14.160	14.160		6.034
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	-	-	-	-
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				-
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020

ĐVT : Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019		VẠN THẠNH		VẠN THẮNG		VẠN LƯƠNG		VẠN PHƯỚC		VẠN LONG		VẠN HƯNG		VẠN GIÃ		VẠN KHÁNH		VẠN BÌNH		VẠN PHÚ		VẠN THỌ		ĐẠI LÃNH		XUÂN SƠN	
		Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	145.240	115.924	7.916	7.773	11.145	9.862	18.964	10.505	9.268	7.758	12.498	9.379	8.790	8.311	12.331	10.617	25.586	14.767	8.812	8.064	8.826	8.617	6.832	6.461	8.128	7.766	6.144	6.044
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÁN ĐỐI	60.532	31.216	554	411	4.551	3.268	12.183	3.724	3.610	2.100	5.681	2.562	2.047	1.568	6.349	4.635	18.867	8.048	2.019	1.271	1.725	1.516	1.016	645	1.526	1.164	404	304
1	Thu ngoài quốc doanh	11.330	8.160	210	151	1.263	910	1.011	728	851	613	339	244	555	400	4.663	3.357	283	204	337	243	469	338	255	184	993	715	101	73
1.1	Thuế Giá trị gia tăng	11.200	8.066	210	151	1.240	893	1.011	728	822	592	339	244	555	400	4.585	3.301	283	204	337	243	469	338	255	184	993	715	101	73
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp																												
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	130	94			23	17			29	21					78	56												
1.4	Thuế Tài nguyên																												
1.5	Thuế Môn Bài																												
1.6	Thu khác																												
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)	2.252	2.252	107	107	397	397	155	155	63	63	40	40	350	350	261	261	338	338	45	45	165	165	165	165	110	110	56	56
3	Thuế SDD Nông nghiệp																												
4	Phí, lệ phí	1.000	1.000	26	26	88	88	95	95	95	95	41	41	50	50	335	335	45	45	36	36	50	50	35	35	88	88	16	16
	Các loại phí khác	200	200	10	10	20	20	15	15	15	15	10	10	15	15	40	40	20	20	10	10	20	20	10	10	10	10	5	5
	Lệ phí môn bài	800	800	16	16	68	68	80	80	80	80	31	31	35	35	295	295	25	25	26	26	30	30	25	25	78	78	11	11
5	Các khoản thu về nhà, đất	40.050	13.904	141	57	1.553	623	10.222	2.046	2.121	849	5.041	2.017	542	218	540	132	17.901	7.161	1.091	437	131	53	501	201	145	61	121	49
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp	50	50	1	1	3	3	2	2	1	1	1	1	2	2	30	30	1	1	1	1	1	1	1	1	5	5	1	1
5.2	Tiền sử dụng đất	40.000	13.854	140	56	1.550	620	10.220	2.044	2.120	848	5.040	2.016	540	216	510	102	17.900	7.160	1.090	436	130	52	500	200	140	56	120	48
5.3	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước																												
6	Thuế thu nhập cá nhân																												
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)	5.900	5.900	70	70	1.250	1.250	700	700	480	480	220	220	550	550	550	550	300	300	510	510	910	910	60	60	190	190	110	110
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công	4.500	4.500	50	50	950	950	650	650	400	400	200	200	400	400	50	50	250	250	500	500	900	900	50	50			100	100
7.2	- Thu khác ngân sách	1.400	1.400	20	20	300	300	50	50	80	80	20	20	150	150	500	500	50	50	10	10	10	10	10	10	190	190	10	10
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÁN ĐỐI																												
1	Phí, lệ phí																												
2	Các khoản đóng góp																												
	- Đóng góp xây dựng CSHT																												
	- Đóng góp khác																												
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	83.208	83.208	7.347	7.347	6.444	6.444	6.651	6.651	5.553	5.553	6.707	6.707	6.618	6.618	5.802	5.802	6.609	6.609	6.683	6.683	6.981	6.981	5.711	5.711	6.462	6.462	5.640	5.640
1	Bổ sung cân đối ngân sách :	83.208	83.208	7.347	7.347	6.444	6.444	6.651	6.651	5.553	5.553	6.707	6.707	6.618	6.618	5.802	5.802	6.609	6.609	6.683	6.683	6.981	6.981	5.711	5.711	6.462	6.462	5.640	5.640
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên	68.232	68.232	6.327	6.327	5.166	5.166	5.193	5.193	4.506	4.506	5.647	5.647	5.340	5.340	4.524	4.524	5.549	5.549	5.636	5.636	5.703	5.703	4.837	4.837	5.184	5.184	4.620	4.620
	+ Bổ sung cân đối NS xã	68.232	68.232	6.327	6.327	5.166	5.166	5.193	5.193	4.506	4.506	5.647	5.647	5.340	5.340	4.524	4.524	5.549	5.549	5.636	5.636	5.703	5.703	4.837	4.837	5.184	5.184	4.620	4.620
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp	14.976	14.976	1.020	1.020	1.278	1.278	1.458	1.458	1.047	1.047	1.060	1.060	1.278	1.278	1.278	1.278	1.060	1.060	1.047	1.047	1.278	1.278	874	874	1.278	1.278	1.020	1.020
	+ Nguồn phân cấp của tỉnh	14.976	14.976	1.020	1.020	1.278	1.278	1.458	1.458	1.047	1.047	1.060	1.060	1.278	1.278	1.278	1.278	1.060	1.060	1.047	1.047	1.278	1.278	874	874	1.278	1.278	1.020	1.020
2	Bổ sung có mục tiêu :																												
a	* Nguồn vốn tỉnh																												
	+ Nguồn vốn CT mục tiêu																												
b	* Nguồn NS huyện																												
	+ Nguồn cấp quyền SDD																												
	+ Nguồn vốn vay																												
	+ Nguồn vốn khác																												
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 201																												
1	50% tăng thu (TH 2016 / DT 2016) : chưa giao																												
2	50% tăng thu (dự toán 2017 / dự toán 2016) :																												
3	Nguồn tiết kiệm chi 10%																												
III	NGUỒN TIẾT KIỆM THÊM 10%																												
D	Nguồn cctl ngân sách xã để chi tăng lương 2020	1.500	1.500	15	15	150	150	130	130	105	105	110	110	125	125	180	180	110	110	110	110	120	120	105	105	140	140	100	100

STT	NỘI DUNG CHI NGÂN SÁCH	TỈNH GIAO 2020	HUYỆN GIAO 2020	Vạn Thạnh h	Vạn Thắng	Vạn Lương	Vạn Phước c	Vạn Long	Vạn Hưng	TT Vạn Giả	Vạn Khánh	Vạn Bình	Vạn Phú	Vạn Thọ	Đại Lãnh	Xuân Sơn
2.4.6	Kinh phí chi trả phụ cấp độc hại đối với công chức chuyên trách về ứng dụng công nghệ thông tin theo QĐ 3026/QĐ-UBND ngày 24/10/2012		42	3	4	4	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3
2.4.7	Kinh phí cải cách hành chính theo TT số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012		546	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42
2.4.8	- Kinh phí phụ cấp cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính theo NQ 08/2014/NQ-HĐND ngày 9/7/2014		195	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15
2.4.9	- Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 - Kinh phí tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, chăm sóc người khuyết tật theo Nghị quyết số 10/12/2014 và theo Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10/12/2013	433	33	34	34	33	33	33	34	34	33	33	33	33	33	33
2.4.10	Kinh phí chi trả cấp ủy viên theo Quyết định 169-QĐ-TW ngày 24/6/2008	260	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
2.4.11	Vận hành tuyên truyền nhiệm vụ chính trị công nhân viên chức chuyên nghiệp	1.741	110	160	165	120	115	115	135	211	120	110	130	120	125	120
2.4.12	Vạn Ninh	30								30						
2.4.13	Kinh phí chuyển đổi vị trí công tác theo NQ 34/NQ-HĐND	276	276	13	22	25	32	32	12	22	24	23	28	11	17	23
2.4.14	Kinh phí chi công tác gia đình	958	958	68	57	57	46	46	69	171	91	91	69	34	68	46
2.5	Quy thi đua khen thưởng (1% từ 1 - 10)	341	341	29	27	23	25	25	28	32	28	24	26	23	27	20
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	603	603	33	63	44	48	48	43	75	49	48	47	35	40	30
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình	359	359	21	36	25	28	29	26	45	29	29	28	21	24	18
5	Chi sự nghiệp TDTT	235	235	13	24	17	19	19	17	28	19	19	18	14	16	12
6	Chi Đảm bảo xã hội	1.133	4.901	81	618	543	119	505	510	870	124	380	619	200	164	168
	- Định mức	498	498	29	52	36	39	40	35	61	41	40	39	29	33	24
	- BS : Mảng thọ		561	15	75	51	45	51	47	75	48	45	48	22	24	15
	- BHYT cho NCT (tính giao 1.632)		1.411		293	177		134	107	306		137	161	56		40
	- BHYT cho đối tượng BHYT (tính giao 1.951)		1.640		92	209		245	247	314		121	298	58		56
	- KP cai nghiện ma túy tại gia đình và CB	141	141	141	33	35				39					34	
	- KP cai nghiện ma túy tại gia đình và CB	191	191		39				38	38			38		38	
	- Cộng tác viên công tác xã hội	232	232	18	18	18	18	18	18	18	18	17	18	18	18	17
	- Kinh phí xác định mức độ khuyết tật theo Thông tư liên tịch 37/2012/TTLT		156	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
	- Kinh phí nhập dữ liệu quản lý trẻ em	71	71	7	4	5	5	5	6	7	5	8	5	5	5	4
7	Chi An ninh - Quốc phòng	9.803	8.348	976	588	492	518	523	521	1.292	535	557	488	452	1.012	394
	An ninh	1.591	1.591	94	152	106	129	131	105	184	133	129	114	117	97	100
	- Định mức An ninh (đã bao gồm kinh phí trực gác)	1.591	1.591	94	152	106	129	131	105	184	133	129	114	117	97	100
	- Phụ cấp Ban bảo vệ dân phố															
	- Bổ sung (Chánh lịch: NQ 08/2012 - NQ 25/2008)															
	Quốc phòng	8.212	6.757	882	436	386	389	392	416	1.108	402	428	374	335	915	294
	- Định mức Quốc phòng	816	816	47	85	59	65	65	58	102	66	65	63	47	54	40
	- Bổ sung (ND 58/2010 + Thông tư 102/2010)															
	- KPĐQ thường trực tại các xã trọng điểm	1.311	1.311	437					437						437	
	- Huân luyện DOTV	6.085	4.630	398	351	327	324	327	358	569	336	363	311	288	424	254
	Trong đó: Hệ số phụ cấp các khoản		224	22	15,86	15,52	16,22	16,81	16,44	28,19	15,57	15,05	16,08	12,44	20,75	12,74
8	Chi sự nghiệp Kinh tế (10% từ 1-7)	9.979	10.184	514	1.433	1.063	779	634	821	675	665	986	1.325	405	447	437
	- Định mức	5.679	5.679	466	480	442	397	416	439	602	426	418	448	357	447	341
	- Chi từ nguồn thu 5% quỹ đất công ích	4.300	4.300	48	908	621	382	190	382	48	239	478	860	48		96
	- Điện chiếu sáng công cộng		205		45			28		25		90	17			
9	Chi hoạt động môi trường (0,5% từ 1-8)															
10	Chi Khác (0,5% từ 1 - 9)	883	883	68	72	71	66	66	67	75	67	69	71	62	67	62
	- Định mức	337	337	26	30	29	24	24	25	33	25	27	29	20	25	20
	- Kinh phí phục vụ thu lệ phí cấp xã	390	390	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
	- Kinh phí phục vụ xử phạt vi phạm hành chính	156	156	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
11	Quy thi đua khen thưởng (1% từ 1 - 10)															
III	Dư phòng chi (2% I + II)	1.925	1.925	159	169	151	143	127	144	222	151	139	153	112	149	106
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LAI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUẢ NSNN															
I	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí															
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp															
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN															
	trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM															
	Dân số năm 2018 (theo số báo cáo ước tính)	133.927	133.927	6.235	16.922	11.793	8.625	8.721	11.628	20.392	8.858	8.643	12.624	4.710	10.774	4.002
	Số thôn	84	84	6	8	5	5	4	6	15	8	8	6	3	6	4
	(Định mức 7 thôn, tổ DP / 1 xã)	91	91	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
	Tăng thêm	11	11		1					8	1	1				

Số: 452 /BC-UBND

Vạn Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2019 và nhiệm vụ thu chi, phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020

Triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt: NSNN) năm 2019 được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/12/2018; trong điều kiện chỉ tiêu thu ngân sách được UBND tỉnh và HĐND huyện giao tăng hơn 136% so với năm 2018, song dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND huyện, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo phấn đấu hoàn thành dự toán ngân sách được giao, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2019 và tạo tiền đề cho việc thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2020, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách NSNN đến ngày 15/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo ước thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019 và xây dựng dự toán NSNN năm 2020 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2019

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN: (Mẫu biểu số 31)

Tổng thu ngân sách Nhà nước phát sinh trên địa bàn đến ngày 15/11/2019 thực hiện được: 175.156 triệu đồng, trong đó thu NSDP huyện, xã: 143.591 triệu đồng. Tổng ước thực hiện thu ngân sách phát sinh trên địa bàn năm 2019: 197.984 triệu đồng đạt 111,06% kế hoạch UBND tỉnh và HĐND huyện giao; trong đó thu NSDP huyện, xã: 156.168 triệu đồng đạt 122,82% kế hoạch UBND tỉnh và HĐND huyện giao; gồm:

- Thu ngoài quốc doanh 50.339 triệu đồng đạt 74,8% HĐND huyện giao, tỉnh giao trong đó thu NSDP huyện, xã: 37.799 triệu đồng đạt 73,7% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu lệ phí trước bạ 21.972 triệu đồng đạt 78,44 % HĐND huyện giao, tỉnh giao trong đó thu NSDP huyện, xã: 21.972 triệu đồng đạt 78,44 % HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thuế thu nhập cá nhân 10.000 triệu đồng đạt 100% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu phí, lệ phí 6.696 triệu đồng đạt 68,33% HĐND huyện giao, tỉnh giao trong đó thu NSDP huyện, xã: 4.392 triệu đồng đạt 75,72% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 55 triệu đồng đạt 110% HĐND huyện giao, tỉnh giao trong đó thu NSĐP huyện, xã: 55 triệu đồng đạt 110% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 880 triệu đồng đạt 198,2% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu tiền sử dụng đất 83.000 triệu đồng đạt 244,12% HĐND huyện giao, tỉnh giao trong đó thu NSĐP huyện, xã: 83.000 triệu đồng đạt 244,12% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 4.756 triệu đồng đạt 101,06% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu khác ngân sách cấp huyện 1.250 triệu đồng đạt 125% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu khác ngân sách cấp xã 2.500 triệu đồng đạt 125% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 5.200 triệu đồng đạt 104% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

(Nội dung và số liệu chi tiết kèm theo Mẫu biểu số 31)

** Đánh giá tình hình thực hiện ước thực hiện năm 2019:*

Nhìn chung tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn 197.984 triệu đồng đạt 111,06% HĐND huyện giao, UBND tỉnh giao; trong đó thu NSĐP huyện, xã: 156.168 triệu đồng đạt 122,82% HĐND huyện giao, tỉnh giao.

- Trong 10 nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn năm 2019 được UBND tỉnh và HĐND huyện giao năm 2019 có 6/10 chỉ tiêu đạt theo tiến độ kế hoạch gồm:

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 55 triệu đồng; ước thực hiện năm 2019 thu được 55 triệu đồng đạt 110% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao (Nguồn thu này NSĐP huyện, xã được điều tiết 100%).

+ Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 82.326 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 83.000 triệu đồng đạt 244,12% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao (nguồn thu này NSĐP huyện, xã được điều tiết 100%). Nguyên nhân số thu tăng đột biến so với cùng kỳ do từ tháng 6/2019 UBND tỉnh đã cho phép giao dịch lại chuyển nhượng đất đai sau thời gian tạm.

+ Thu tiền thuê đất, mặt nước: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 739 triệu đồng, ước thực hiện 2019 thu được 880 triệu đồng đạt 198,2% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao (nguồn thu này huyện, xã không được điều tiết).

+ Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 8.865 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 10.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch tỉnh và HĐND huyện giao (nguồn thu này huyện, xã không được điều tiết).

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 4.054 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 4.756 triệu đồng đạt 101,06% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao (nguồn thu này huyện, xã không được điều tiết).

+ Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 4.082 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 5.200 triệu

đồng đạt 104% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao (nguồn thu này NSDP huyện, xã được điều tiết 100%).

- Có 4/10 chỉ tiêu chưa đạt theo tiến độ kế hoạch gồm:

+ Thu ngoài quốc doanh: Kết quả thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 41.949 triệu đồng, trong đó thu NSDP huyện, xã hưởng: 31.499 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2019 thu được 50.339 triệu đồng đạt 74,8% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao trong đó thu NSDP huyện, xã được điều tiết: 37.799 triệu đồng đạt 73,7% . Nguyên nhân thu ngoài quốc doanh đạt thấp là do tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh ở địa phương còn khó khăn, mức tăng trưởng thấp, dẫn đến việc kê khai nộp thuế chưa cao; một số hộ kinh doanh đăng ký mới trong năm 2019 nhưng thực chất đi vào hoạt động kinh doanh (phát sinh thuế) chỉ mới chiếm 38% trên tổng số đăng ký mới. Công tác kiểm tra chấp hành pháp luật của doanh nghiệp từ đầu năm đến nay chưa phát hiện sai phạm nhiều, số truy thu qua kiểm tra quyết toán còn thấp...một số nguồn thu như: thuế xây dựng tư nhân tại các xã, thị trấn đạt thấp (tính đến 31/10/2019 chỉ thu được 1.590 triệu đồng tương ứng với số nhà xây mới 237 nhà); công tác triển khai thuế xây dựng vãng lai trên địa bàn chưa kịp thời...

+ Lệ phí trước bạ: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 18.310 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 21.972 triệu đồng đạt 78,44% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao (nguồn thu này NSDP huyện, xã được điều tiết 100%). Số thu giảm so cùng kỳ chủ yếu do 2 khoản thu lệ phí trước bạ xe máy và ô tô đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước (lệ phí trước bạ xe máy: giảm 28,3% so với cùng kỳ, lệ phí trước bạ ô tô giảm 24,4% so với cùng kỳ).

+ Thu phí, lệ phí: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 5.580 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 6.696 triệu đồng đạt 68,33% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao trong đó thu NSDP huyện, xã: 3.660 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 4.392 triệu đồng đạt 75,72% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện; số thu này chủ yếu từ phí bảo vệ môi trường của các đơn vị khai thác tài nguyên đá tại địa phương.

+ Thu khác ngân sách: Thực hiện đến ngày 15/11/2019 thu được 7.821 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 13.220 triệu đồng đạt 69,76% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện giao trong đó thu NSDP huyện, xã: 3.659 triệu đồng, ước thực hiện năm 2019 thu được 3.750 triệu đồng đạt 125% so với chỉ tiêu UBND tỉnh và HĐND huyện.. Khoản thu khác ngân sách huyện chủ yếu từ nguồn thu hồi các khoản chi năm trước, nguồn cho thuê, bán tài sản và các khoản thu khác.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách: (Mẫu biểu số 32)

Tổng chi cân đối ngân sách trên địa bàn huyện đến ngày 15/11/2019 thực hiện 488.880 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 624.342 triệu đồng, tăng 9,63% so với dự toán tỉnh, dự toán huyện giao, bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển đến ngày 15/11/2019 thực hiện 91.974 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 123.322 triệu đồng, tăng 43,40% so với dự toán tỉnh, dự toán huyện giao. Nguyên nhân vượt do: ngân sách tỉnh bổ sung vốn cho các chương trình mục tiêu bổ sung kế hoạch vốn tăng thu, nguồn kết dư ngân sách huyện, vốn chuyển nguồn năm 2018 chuyển sang năm 2019, các nguồn thu cấp quyền sử dụng đất, vốn khác ngân sách xã,...

b) Chi thường xuyên đến ngày 15/11/2019 thực hiện 396.906 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 501.020 triệu đồng, tăng 9,8% dự toán tính, huyện giao. Các hoạt động khác tăng do các khoản bổ sung ngoài dự toán từ các nguồn kết dư của huyện, nguồn dự phòng của huyện, nguồn chuyển nguồn của huyện, nguồn ngân sách tỉnh bổ sung trong năm 2019.

Một số khoản chi bổ sung ngoài dự toán như:

	ĐVT: Đồng
Bổ sung hỗ trợ mua gạo trợ giúp cứu đói cho nhân dân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019	577.785.000
Bổ sung kinh phí thực hiện chương trình 135	192.000.000
Chi hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg đợt IV năm 2018	175.000.000
Bổ sung kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019	815.000.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình NTM	3.904.000.000
Bổ sung kinh phí điều tra thu nhập chương trình NTM	20.000.000
Bổ sung kinh phí Kế hoạch mỗi xã một sản phẩm thuộc chương trình NTM	510.000.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp do ảnh hưởng của đợt mưa lũ cuối năm 2018 và bão số 01 năm 2019	351.000.000
Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP	3.712.000.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ theo địa bàn phụ trách cho xã Vạn Long (250 trđ), Vạn Thạnh (200 trđ), thị trấn Vạn Giã (300trđ)	750.000.000
Bổ sung kinh phí đầu tư xây dựng cải tạo vỉa hè tuyến đường Hùng Vương đoạn từ cầu Bà Bường đến cây xăng Vạn Giã	5.500.000.000
Bổ sung kinh phí hoàn ứng trước để thực hiện hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi bị thiệt hại do hạn hán năm 2015	622.380.000
Chi hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg đợt I năm 2019	1.490.440.000
Bổ sung vốn địa bàn phụ trách Tỉnh ủy để hỗ trợ xã Vạn Phước đầu tư xây dựng mới nhà làm việc "một cửa" của xã, góp phần đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân	700.000.000
Bổ sung vốn địa bàn phụ trách Tỉnh ủy để hỗ trợ xây dựng trụ sở, cổng tường rào thôn Tiên Ninh, xã Vạn Khánh	400.000.000
Bổ sung hoàn tạm ứng chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng Quốc lộ 1A (phần đi qua đô thị do ngân sách tỉnh chi trả)	1.253.330.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ địa bàn phụ trách xã Vạn Phú: Mua hệ thống âm thanh, máy chiếu hội trường nhà văn hóa xã	100.000.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ địa bàn phụ trách xã Vạn Thọ: Mua sắm trang thiết bị phục vụ trung tâm văn hóa, thể thao xã	100.000.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ theo địa bàn phụ trách cho xã Vạn Hưng (200 trđ), Vạn Bình (200 trđ)	400.000.000
Bổ sung kinh phí giảm nghèo bền vững năm 2019 để thực hiện dự án 4 "Truyền thông và giảm nghèo về thông tin" và dự án 5 "	45.550.000

06/12/2017 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. Việc phân bổ vốn năm 2020 tập trung theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí vốn trả nợ các công trình chuyển tiếp năm 2019 sang năm 2020 đã có khối lượng hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng, tránh nợ đọng xây dựng cơ bản; tiếp đến ưu tiên bố trí vốn cho các công trình giáo dục, giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa và các chương trình nông thôn mới.

- Bố trí vốn các công trình theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 đưa vào thực hiện năm 2020;

- Bố trí nguồn vốn đối ứng cho các công trình nông thôn mới theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh;

- Bố trí nguồn vốn dự phòng chi đầu tư theo quy định.

2.2. Về chi thường xuyên:

Xác định lại quỹ lương tối thiểu 1.490.000 đồng tại thời điểm tháng 7/2019; chênh lệch quỹ lương từ 1.390.000 đồng – 1.490.000 đồng; bổ sung các chế độ, chính sách mới do Trung ương và địa phương ban hành áp dụng trong năm 2020,... Theo đó, dự kiến phân bổ dự toán chi ngân sách cấp huyện và cấp xã năm 2020 (theo Mẫu biểu số 32 đính kèm).

III. Về nhiệm vụ ngân sách năm 2020:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: (Mẫu biểu số 31)

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh giao 159.510 triệu đồng, bằng 89,48% so với dự toán tỉnh giao năm 2019. Tổng thu NSNN trên địa bàn huyện giao 159.510 triệu đồng, bằng 89,48% so với dự toán huyện giao năm 2019, trong đó:

a) **Thu trong cân đối:** tỉnh giao 159.510 triệu đồng, bằng 89,48% so với dự toán tỉnh giao năm 2019; huyện giao 159.510 triệu đồng, bằng 89,48% so với dự toán huyện giao năm 2019.

b) **Thu ngoài cân đối:** dự toán năm 2020, Tỉnh không giao chỉ tiêu.

2. Chi ngân sách: (Mẫu biểu số 32)

Tổng chi ngân sách huyện 599.215 triệu đồng, trong đó:

a) **Chi đầu tư phát triển:** tổng chi 102.400 triệu đồng, gồm: chi đầu tư từ nguồn vốn phân cấp 62.400 triệu đồng, nguồn cấp quyền sử dụng đất 40.000 triệu đồng.

b) **Chi thường xuyên:** tổng chi 477.829 triệu đồng; trong đó: ngân sách cấp huyện 391.925 triệu đồng; ngân sách cấp xã 85.904 triệu đồng.

c) **Dự phòng ngân sách:** 12.952 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện 11.027 triệu đồng, ngân sách cấp xã 1.925 triệu đồng.

d) **Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương:** 6.034 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện 6.034 triệu đồng, ngân sách cấp xã 0 triệu đồng.

IV. Cân đối ngân sách huyện năm 2020: (Mẫu biểu số 29.2)

1. Tổng thu cân đối ngân sách huyện: 599.215 triệu đồng.

2. Tổng chi cân đối ngân sách huyện: 599.215 triệu đồng.

V. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2020:

1. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp trong tổ chức quản lý, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật. Chi Cục thuế huyện chủ động tham mưu cho UBND huyện các biện pháp, giải pháp cụ thể trong từng thời gian để đảm bảo tiến độ thu theo phát sinh thực tế, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chi theo dự toán đã được HĐND huyện phê duyệt; đồng thời đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc khai báo, kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những trường hợp vi phạm pháp luật về thuế; phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN đã được HĐND huyện quyết định.

2. Đối với dự toán chi ngân sách các cấp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao; hạn chế bổ sung các khoản chi phát sinh ngoài dự toán (trừ các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội và các nhiệm vụ mang tính cấp bách không thể trì hoãn).

3. Chủ đầu tư và cơ quan quản lý đầu tư công trình của huyện cần thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho đơn vị thi công đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh vốn cho các dự án, công trình triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm nhưng chưa bố trí đủ vốn, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu chi đầu tư phát triển năm 2020, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ban Tài chính các xã, thị trấn chủ động tham mưu cho UBND cùng cấp tổ chức điều hành ngân sách theo dự toán đã được HĐND cùng cấp quyết định. Định kỳ cần thường xuyên tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách, thực hiện tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị của Trung ương và UBND tỉnh về điều hành ngân sách nhà nước. Trong quá trình điều hành ngân sách cần chủ động tham mưu UBND huyện điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách khi cần thiết; tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt; quản lý chi từ nguồn dự phòng ngân sách đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Đối với nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán không thể trì hoãn, cơ quan tài chính tổng hợp, cuối năm khi có tăng thu ngân sách trình UBND và HĐND huyện giải quyết theo quy định của nhà nước. Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách đạt kết quả.

5. Thực hiện nghiêm chế độ công khai dự toán thu, chi ngân sách đối với tất cả các cấp, các đơn vị dự toán sử dụng kinh phí ngân sách, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, bên cạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, cần nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức các hoạt động dịch vụ phù hợp, nhằm không ngừng nâng cao cải thiện đời sống cán bộ, viên chức. Mặt khác, các cơ quan, đơn vị cần phối hợp chặt chẽ, chủ động tham mưu cho UBND huyện thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia

Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá"	
Bổ sung để hỗ trợ mua gạo cho nhân dân bị thiếu đói do bị ảnh hưởng hạn hán năm 2019	55.800.000
Bổ sung kinh phí hỗ trợ theo địa bàn phụ trách cho xã Vạn Thắng (200 trđ), Xuân Sơn (150 trđ)	350.000.000
Bổ sung để thực hiện đầu tư, sửa chữa các công trình bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản	1.200.000.000
Bổ sung kinh phí giảm nghèo bền vững năm 2019 để thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng vùng bãi ngang ven biển theo Chương trình 30a	280.000.000
Chi từ nguồn kết dư năm 2018:	8.737.034.688
Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2018	6.327.296.000
Chi từ nguồn dự phòng năm 2019	6.716.198.000
.....	

3. Đánh giá chung:

Mặc dù tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn mức tăng trưởng không cao ... một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 giao cao hơn khả năng thực tế phát sinh trên địa bàn, nhưng nhờ sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Thường trực Huyện ủy, giám sát của HĐND huyện, phối hợp hỗ trợ tích cực của các ban ngành, UBND các xã, thị trấn, nên kết quả thu tổng thu phát sinh trên địa bàn năm 2019 đạt 111,06% kế hoạch giao. Tuy nhiên do số thu từ thuế, phí, lệ phí và một số khoản thu khác (không tính tiền sử dụng đất và thu từ thuê đất 5%) chỉ chiếm 55,45% so với tổng thu phát sinh trên địa bàn, nên số thu trong cân đối so với với kế hoạch giao chỉ mới đạt 78,83%, dẫn đến số thu được điều tiết để đưa vào cân đối chi thường xuyên (cấp huyện, cấp xã) chỉ đạt 77,1% so với dự toán, dẫn đến hụt thu ngân sách.

** Phương án xử lý hụt thu để cân đối ngân sách:*

Để chủ động xử lý tình huống hụt thu ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã năm 2019 (trong trường hợp ngân sách tỉnh không bù hụt thu), UBND huyện căn cứ Luật Ngân sách, công văn số 11456/BTC-NSNN và 25/10/2019 của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 09/CT-UBND của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2019 để xử lý như sau:

- Giảm số dự kiến phân bổ tại dự toán: khoản 9.000 triệu đồng.
- Sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp để bù hụt thu:
- + Sử dụng nguồn cải cách tiền lương ngân sách huyện năm 2019 để bù hụt thu: khoản 10.000 triệu đồng;
- + Số hụt thu còn lại được bù đắp từ nguồn dự phòng ngân sách năm 2019: khoản 2.654 triệu đồng.

Phần thứ hai
XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NGÂN SÁCH
HUYỆN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

Căn cứ nhiệm vụ ngân sách được UBND tỉnh giao; trên cơ sở đánh giá tình hình nhiệm vụ ngân sách năm 2019, UBND huyện xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách huyện năm 2020 như sau:

A. Căn cứ xây dựng dự toán:

1. Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thường xuyên giữa các cấp ngân sách ở địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

2. Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

3. Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017. Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

4. Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020.

B. Mục tiêu, nguyên tắc và nhiệm vụ của ngân sách huyện:

I. Mục tiêu:

Trên cơ sở ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2019, số thu, chi ngân sách trên địa bàn năm 2020 phải tính đúng, tính đủ những khoản thu theo quy định của pháp luật, sát với thực tiễn và theo hướng tích cực, góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và tăng cường khả năng cân đối của ngân sách. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực để thực hiện chính sách cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Bố trí chi ngân sách gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của các cấp, các ngành; đúng chế độ, chính sách của nhà nước hiện hành và trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. Nguyên tắc:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2020 được xây dựng trên cơ sở số thu ngân sách được UBND tỉnh giao, trong quá trình điều hành ngân sách phấn đấu có tăng thu để đáp ứng các nhu cầu chi phát sinh trong năm 2020.

2. Về chi ngân sách địa phương: Trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và chi đầu tư, các chế độ, định mức theo quy định hiện hành để xây dựng dự toán chi năm 2020 theo hướng:

2.1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước (vốn phân cấp) bố trí 62.400 triệu đồng theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày

đầu tư cung ứng dịch vụ công, vừa tạo công ăn việc làm vừa tạo được những sản phẩm công ích phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

7. UBND huyện giao Phòng Tài chính – Kế hoạch tiếp tục cùng với Kho bạc Nhà nước huyện thường xuyên kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị dự toán, các xã, thị trấn, các chủ đầu tư công trình nhằm phát hiện kịp thời những sai phạm trong chi tiêu ngân sách, đảm bảo mọi khoản chi tiêu đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ do nhà nước quy định; kiên quyết thu hồi xử lý những sai phạm trong sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành ngân sách ngày càng hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội ở địa phương phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019; dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020. *AKW*

(Kèm theo các biểu mẫu quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy, HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *KW*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Lục Phẩm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019			Dự toán năm 2020
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	178.260	178.260	197.984	159.510
1	Thu nội địa	178.260	178.260	197.984	159.510
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	569.481	569.481	813.005	599.215
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	127.150	127.150	156.168	116.898
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	85.980	85.980	123.924	80.610
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	41.170	41.170	32.244	36.288
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	431.844	431.844	532.096	456.332
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	426.844	426.844	380.096	451.332
2	Thu bổ sung có mục tiêu	5.000	5.000	152.000	5.000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư			45.108	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			69.146	
VI	Thu cải cách tiền lương	10.487	10.487	10.487	25.985
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	569.481	569.481	624.342	599.215
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	569.481	569.481	624.342	599.215
1	Chi đầu tư phát triển (1)	86.000	86.000	123.322	102.400
2	Chi thường xuyên	456.369	456.369	501.020	477.829
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
4	Dự phòng ngân sách	12.952	12.952		12.952
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	14.160	14.160		6.034
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	-	-	-	-
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				-
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

BIỂU TÔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tỉnh giao dự toán năm 2019		UBND huyện giao dự toán năm 2019		Thực hiện 15/11/2019		Tỷ lệ (TH/DT)	Ước thực hiện năm 2019		Tỷ lệ (ước TH/DT)	Dự toán năm 2020		Tỷ lệ (DT 2020/DT 2019)
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng		Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	
A		1	2	1	2	3	4		3	4		5	6	
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (+II+III)	178.260	127.150	178.260	127.150	175.156	143.591	98,26	197.984	156.168	111,06	159.510	116.898	89,48
I	THU NỘI ĐỊA	178.260	127.150	178.260	127.150	175.156	143.591	98,26	197.984	156.168	111,06	159.510	116.898	89,48
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng													
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</i>													
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp													
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt													
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>													
	- Thuế tài nguyên													
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>													
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	-	-	528	-	-	634	-	-	-	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng					172			206					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					356			427					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt													
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>													
	- Thuế tài nguyên													
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	194	-	-	233	-	-	-	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng					57			68					
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>					137			164					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp													
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>													
	- Thu từ khí thiên nhiên													
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt													
	<i>Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>													
	- Thuế tài nguyên													
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>													
	- Tiền thuế mặt đất, mặt nước													

STT	Nội dung	Tinh giao dự toán năm 2019				HBND huyện giao dự toán năm 2019				Thực hiện 15/11/2019				Tỷ lệ (TH/DT)	Ước thực hiện năm 2019				Tỷ lệ (ước TH/DT)	Dự toán năm 2020		Tỷ lệ (DT 2020/DT 2019)
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng		Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng						
A		1	2	1	2	3	4	3	4	5	6											
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động nhằm đó và khai thác dầu, khí</i>																					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	67.300	51.290	67.300	51.290	41.949	31.499	50.339	37.799	74.80	56.700	42.588	84,25									
	- Thuế giá trị gia tăng	49.750	35.820	49.750	35.820	31.593	22.747	37.912	27.296	76,20	42.800	30.816	86,03									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.080	5.098	7.080	5.098	5.465	3.935	6.558	4.722	92,63	7.240	5.213	102,26									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	350	252	350	252	262	189	314	226	89,83	360	259	102,86									
	- Thuế tài nguyên	10.120	10.120	10.120	10.120	4.629	4.629	5.555	5.555	54,89	6.300	6.300	62,25									
5	Lệ phí trước bạ	28.010	28.010	28.010	28.010	18.310	18.310	21.972	21.972	78,44	23.500	23.500	83,90									
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					-																
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	50	50	55	55	55	55	110,00	50	50	100,00									
8	Thuế thu nhập cá nhân	10.000		10.000		8.865		10.000		100,00	11.600		116,00									
9	Thuế bảo vệ môi trường																					
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>																					
	<i>- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>																					
10	Phí, lệ phí	9.800	5.800	9.800	5.800	5.580	3.660	6.696	4.392	68,33	6.810	3.510	69,49									
	<i>Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu</i>	850		850		434	9	521	11	61,27	800		94,12									
	<i>- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu</i>	8.950	5.800	8.950	5.800	5.146	3.651	6.175	4.381	69,00	6.010	3.510	67,15									
	<i>Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	3.150		3.150		1.531		1.837		58,32	2.500		79,37									
	<i>+ Phí lệ phí tỉnh</i>	3.000	3.000	3.000	3.000	1.536	1.050	1.843	1.260	61,44	2.010	2.010	67,00									
	<i>+ Phí lệ phí huyện</i>	4.750	1.600	4.750	1.600	2.583	1.574	3.100	1.889	65,25	3.000	500	63,16									
	<i>- Phí, lệ phí xã</i>	1.200	1.200	1.200	1.200	1.027	1.027	1.232	1.232	102,70	1.000	1.000	83,33									
11	Tiền sử dụng đất	34.000	34.000	34.000	34.000	82.326	82.326	83.000	83.000	244,12	40.000	40.000	117,65									
	<i>Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý</i>																					
	<i>- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý</i>	34.000	34.000	34.000	34.000	82.326	82.326	83.000	83.000	198,20	1.000	40.000	225,23									
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	444		444		739		880														
13	Thuế chuyển quyền sử dụng đất																					
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển																					

STT	Nội dung	Tinh giao dự toán năm 2019		HĐND huyện giao dự toán năm 2019		Thực hiện 15/11/2019		Tỷ lệ (TH/DT)	Ước thực hiện năm 2019		Tỷ lệ (ước TH/DT)	Dự toán năm 2020		Tỷ lệ (DT 2020/DT 2019)
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng		Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu huyện + xã hưởng	
A		1	2	1	2	3	4		3	4		5	6	
	<i>Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương</i>													
15	Thu từ bán tài sản nhà nước <i>Trong đó: - Do trung ương quản lý</i> <i>- Do địa phương quản lý</i>													
16	Thu từ tài sản được xác lập quyền sử hữu của nhà nước <i>Trong đó: - Do trung ương xử lý</i> <i>- Do địa phương xử lý</i>													
17	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước													
18	Thu khác ngân sách <i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i> <i>- Thu hồi các khoản chi năm trước</i> <i>- Thu khác ngân sách tỉnh</i> <i>- Thu khác ngân sách huyện</i> <i>- Thu khác ngân sách xã</i>	18.950	3.000	18.950	3.000	7.821	3.659	41,27	13.220	3.750	69,76	9.350	2.750	49,34
19	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản <i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i> <i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>	8.450		8.450		2.670		31,60	3.320		39,29	5.000		
						1.492			6.150			1.600		
						1.213	1.213		1.250	1.250	125,00	1.350	1.350	
						2.446	2.446		2.500	2.500	125,00	1.400	1.400	
20	Thu từ quy đất công ích và thu hoa lợi công sản khác <i>Trong đó: - Thu từ quy đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</i>	2.000	2.000	2.000	2.000	2.446	2.446		2.500	2.500	101,06	6.000	1.400	127,50
		4.076		4.076								2.000		
		5.000	5.000	5.000	5.000	4.082	4.082	81,64	5.200	5.200	104,00	4.500	4.500	90,00
21	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)	5.000	5.000	5.000	5.000	4.082	4.082		5.200	5.200		4.500	4.500	
22	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)					4.082	4.082							
II	THU TỪ DẦU THỐ					653								
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU													
1	Thuế xuất khẩu													
2	Thuế nhập khẩu													
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt													
4	Thuế bảo vệ môi trường													
5	Thuế giá trị gia tăng													

Ghi chú: (1) Bao gồm các khoản thu NSDP hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP.

BIỂU TỜ TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019						TH đến ngày 15/11/2019						Ước TH năm 2019					
		Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã			
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (HĐ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	CHI CÁN ĐOÀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	569.481	483.861	85.620	569.481	451.659	117.822	488.880	345.023	143.857	624.342	449.300	175.042	599.215	509.573	89.642	599.215	483.291	115.924
	<i>Trong đó: Chi cán đoàn ngân sách địa phương tỉnh ủy lệ điều tiết, số bổ sung cán đoàn từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển	86.000	86.000	-	86.000	60.808	25.192	91.974	42.098	49.876	123.322	58.207	65.115	102.400	102.400	-	102.400	73.570	28.830
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp công cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)	86.000	86.000	-	86.000	60.808	25.192	91.974	42.098	49.876	123.322	58.207	65.115	102.400	102.400	-	102.400	73.570	28.830
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn	86.000	86.000	-	86.000	60.808	25.192	91.974	42.098	49.876	123.322	58.207	65.115	102.400	102.400	-	102.400	73.570	28.830
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	52.000	52.000	-	52.000	39.520	12.480	32.694	18.386	14.308	50.329	29.480	20.849	62.400	62.400	-	62.400	47.424	14.976
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	34.000	34.000	-	34.000	21.288	12.712	27.863	10.889	17.274	33.896	14.381	19.515	40.000	40.000	-	40.000	26.146	13.854
c	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	-	-	-	-	-	-	31.417	13.123	18.294	39.097	14.346	24.751	-	-	-	-	-	-
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực	-	-	-	-	-	-	91.974	42.098	49.876	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	22.173	22.173	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Chi quốc phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
d	Chi an ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
e	Chi y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
f	Chi văn hóa thông tin	-	-	-	-	-	-	3.242	771	2.471	-	-	-	-	-	-	-	-	-
g	Chi phát thanh, truyền hình	-	-	-	-	-	-	1.953	1.061	892	-	-	-	-	-	-	-	-	-
h	Chi thể dục thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
i	Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	61.573	18.093	43.480	-	-	-	-	-	-	-	-	-
k	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	3.033	3.033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
m	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
n	Chi khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	456.369	372.674	83.695	456.369	365.664	90.705	396.906	302.925	93.981	501.020	391.093	109.927	477.829	390.112	87.717	477.829	392.660	85.169
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	240.392	239.820	572	240.392	239.820	572	207.360	206.931	429	245.821	245.249	572	255.578	255.006	572	255.828	255.256	572
b	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Chi quốc phòng	9.003	1.318	7.685	9.030	2.629	6.401	6.598	1.789	4.809	9.030	2.629	6.401	9.417	1.205	8.212	9.417	2.660	6.757
d	Chi an ninh	2.117	4.182	533	2.090	506	1.584	1.199	3.695	814	4.182	4.182	1.584	2.127	536	1.591	2.127	536	1.591
e	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.699	2.099	600	2.699	2.099	600	2.480	2.087	393	2.699	2.099	600	3.332	2.729	603	3.332	2.729	603
f	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.773	1.416	357	1.773	1.416	357	716	170	546	1.966	1.416	550	1.002	643	359	1.002	643	359
g	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	540	306	234	540	306	234	496	245	251	606	306	300	543	308	235	543	308	235
h	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.000	2.000	-	2.000	4.893	4.893	4.743	4.316	427	5.393	4.893	500	2.000	2.000	500	5.576	5.576	10.184
i	Chi hoạt động kinh tế	51.356	41.377	9.979	46.672	35.000	11.672	49.263	28.417	20.847	81.000	51.000	30.000	51.354	41.375	9.979	46.028	35.844	10.184
k	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	94.972	34.718	60.254	96.813	33.312	63.501	79.990	26.835	52.655	100.813	37.312	63.501	100.793	36.643	64.150	102.293	43.209	59.084
l	Chi bảo đảm xã hội	44.153	43.142	1.011	44.103	39.738	4.365	39.051	34.676	4.375	44.238	39.738	4.500	44.838	43.705	1.133	44.838	39.937	4.901
m	Chi trợ giúp xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
n	Chi trợ giúp xã hội	3.182	1.763	1.419	3.182	1.763	1.419	1.815	950	865	3.182	1.763	1.419	2.693	1.810	883	2.693	1.810	883
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Dự phòng ngân sách	12.952	11.027	1.925	12.952	11.027	1.925	-	-	-	-	-	-	12.952	11.027	1.925	12.952	11.027	1.925
6	Chi tạo nguồn chi sách tiền lương	14.160	14.160	-	14,160	14,160	-	-	-	-	-	-	-	6,034	6,034	-	6,034	6,034	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019						TH đến ngày 15/11/2019						Dự toán năm 2020					
		Tỉnh giao			HĐND huyện giao			Tổng số	NS huyện	NS xã	Ước TH năm 2019			Tỉnh giao			HĐND huyện giao		
		Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã				Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã	Tổng số	NS huyện	NS xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THỤ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
C	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi (nếu có).